CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 395
ĐẾN Ngày: 3-2-17
Chuyển: QLĐT

NGHỊ ĐỊNH
Về kinh doanh casino

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh casino.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định về việc kinh doanh, quản lý hoạt động kinh doanh và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh casino trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp kinh doanh casino;

b) Đối tượng được phép chơi và các đối tượng được phép ra, vào các Điểm kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

c) Cơ quan quản lý nhà nước có chức năng liên quan đến việc cấp phép, quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh casino;

d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh casino.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. "Kinh doanh casino" là hoạt động kinh doanh có điều kiện được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh các trò chơi có thưởng trên máy trò chơi điện tử có thưởng và bàn trò chơi có thưởng để phục vụ nhu cầu tham gia vui chơi giải trí cho các đối tượng được phép chơi theo quy định tại Nghị định này.

2. "Trò chơi có thưởng" là các trò chơi may rủi hoặc trò chơi kết hợp giữa may rủi và kỹ năng được tổ chức trên máy trò chơi điện tử có thưởng hoặc trên bàn trò chơi có thưởng mà người chơi bỏ tiền để tham gia và có thể trúng thưởng bằng tiền hoặc hiện vật.

3. "Máy trò chơi điện tử có thưởng" (sau đây gọi tắt là máy trò chơi) là thiết bị điện tử chuyên dụng được phép kinh doanh theo quy định tại Nghị định này để thực hiện các trò chơi có thưởng được cài đặt sẵn trong máy. Quá trình chơi diễn ra hoàn toàn tự động giữa người chơi và máy.

4. "Bàn trò chơi có thưởng" (sau đây gọi tắt là bàn trò chơi) là thiết bị trò chơi chuyên dụng để tổ chức các trò chơi có thưởng mà quá trình chơi diễn ra có sự tham gia của người điều hành trò chơi và người chơi.

5. "Thiết bị trò chơi" là các bộ phận của máy trò chơi, bàn trò chơi có thưởng và các thiết bị khác được sử dụng để kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này.

6. "Máy giật xèng" là máy trò chơi điện tử có thưởng có từ 03 cuộn hình ảnh trở lên trên màn hình để xác định kết quả thắng cược hoặc trúng thưởng ngẫu nhiên dừng lại sau mỗi lần quay với tỷ lệ trả thưởng cố định được cài đặt sẵn trong máy.

7. "Người điều hành trò chơi" là nhân viên của doanh nghiệp kinh doanh casino tham gia điều hành các trò chơi có thưởng trên bàn trò chơi có thưởng.

8. "Người chơi" là các cá nhân thuộc đối tượng được phép chơi các loại hình trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh casino quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định này.

9. "Tỷ lệ trả thưởng" là tỷ lệ phần trăm trả thưởng bình quân cho người chơi của máy giật xèng trong một khoảng thời gian hoặc trên số vòng quay nhất định được nhà sản xuất thiết kế và cài đặt cố định trong máy giật xèng hoặc tỷ lệ trúng thưởng trên giá trị cá cược của người chơi đối với các trò chơi có thưởng khác được quy định trong Thể lệ trò chơi.

10. "Đồng tiền quy ước" là đồng chíp, đồng xèng, thẻ, phiếu, điểm số quy đổi và các hình thức thay thế tiền mặt khác do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để sử dụng cho việc tổ chức kinh doanh casino và chỉ có giá trị sử dụng trong Điểm kinh doanh casino.

11. "Điểm kinh doanh casino" là một căn phòng hoặc một số căn phòng để tổ chức kinh doanh casino tại địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật.

12. "Khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino" là tổ hợp các công trình xây dựng phục vụ cho các hoạt động du lịch, giải trí, nghỉ dưỡng, thương mại..., trong đó có hoạt động kinh doanh casino được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

13. "Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh casino" là người được doanh nghiệp kinh doanh casino giao quản lý, điều hành, giám sát toàn bộ hoặc một phần công việc hoạt động kinh doanh casino tại Điểm kinh doanh casino.

14. "Doanh nghiệp kinh doanh casino" là doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật.

15. "Doanh nghiệp kinh doanh casino quy mô lớn" là các doanh nghiệp kinh doanh casino với tổng mức đầu tư của dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino tối thiểu là 02 tỷ đô la Mỹ.

16. "Doanh nghiệp kinh doanh casino quy mô nhỏ" là các doanh nghiệp kinh doanh casino với tổng mức đầu tư của dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino dưới 02 tỷ đô la Mỹ.

17. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là văn bản, bản điện tử ghi nhận thông tin đăng ký của nhà đầu tư về dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 3. Nguyên tắc kinh doanh casino

1. Kinh doanh casino là hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo hoạt động tuân thủ đúng quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan. Chỉ những doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này mới được kinh doanh casino.

2. Kinh doanh casino phải gắn với hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển về du lịch, thương mại, đa dạng hóa hình thức vui chơi giải trí, làm phong phú đời sống tinh thần và thu hút khách du lịch; phải đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng.

3. Việc tổ chức, tham gia các trò chơi có thưởng phải đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, tham gia các trò chơi có thưởng phải tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Kinh doanh casino khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, ngoại trừ các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này.

2. Kinh doanh không đúng với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này.

3. Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn trái phép Điểm kinh doanh casino để tổ chức hoạt động kinh doanh casino.

4. Sửa chữa, tẩy xóa, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

5. Kinh doanh casino trong thời gian bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hoặc bị tạm ngừng hoạt động kinh doanh casino theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Cho phép các cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 14 Nghị định này vào Điểm kinh doanh casino với bất kỳ hình thức, lý do nào.

7. Cho phép, tổ chức cá cược trực tiếp giữa người chơi với người chơi dựa trên kết quả của các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh casino.

8. Gian lận trong quá trình tổ chức, tham gia các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh casino.

9. Có các hành vi làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh casino theo quy định của pháp luật.

10. Doanh nghiệp kinh doanh các máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi có nội dung, hình ảnh chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định cho phép phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.

11. Lợi dụng hoạt động kinh doanh casino để tổ chức, cung cấp trò chơi có thưởng trái phép qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet.

12. Lợi dụng hoạt động kinh doanh casino để buôn lậu, vận chuyển ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim loại quý và thực hiện các hình thức rửa tiền, tài trợ khủng bố, tổ chức hoạt động mại dâm.

13. Xác nhận số tiền trúng thưởng khống, xác nhận không đúng sự thật hoặc không đúng thẩm quyền hoặc gây khó khăn cho người chơi khi xác nhận mà không có lý do chính đáng.

14. Cản trở hoặc không chấp hành công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm của cơ quan công an hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

15. Không cung cấp thông tin hoặc không báo cáo khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

16. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CASINO

Điều 5. Điểm kinh doanh casino

1. Doanh nghiệp kinh doanh casino chỉ được phép tổ chức kinh doanh casino tại một địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật.

2. Điểm kinh doanh casino phải được bố trí cách ly ra khỏi các khu vực tổ chức hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có cửa ra, vào riêng;

b) Có các thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động trong Điểm kinh doanh casino (24/24 giờ), trong đó phải đảm bảo theo dõi được các vị trí cơ bản sau: Cửa ra, vào Điểm kinh doanh casino, khu vực bố trí các máy trò chơi, bàn trò chơi, khu vực thu ngân, khu vực kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước. Hình ảnh theo dõi qua các thiết bị điện tử và hệ thống camera tại các vị trí cơ bản phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu là 06 tháng, kể từ ngày ghi hình. Trong trường hợp cần thiết, thời gian lưu trữ có thể kéo dài hơn theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Có lực lượng bảo vệ, có đủ trang thiết bị bảo vệ, phòng, chống cháy nổ, lối thoát hiểm, bảo đảm an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật có liên quan. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của nhân viên bảo vệ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

d) Có niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng nước ngoài khác (nếu có) ở vị trí dễ nhận biết tại cửa ra, vào Điểm kinh doanh casino.

Điều 6. Thời gian hoạt động

1. Thời gian doanh nghiệp được phép tổ chức hoạt động kinh doanh casino là tất cả các ngày trong năm, trừ các ngày không được hoạt động theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Doanh nghiệp có trách nhiệm niêm yết công khai tại Điểm kinh doanh casino về thời gian tổ chức hoạt động kinh doanh casino của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp được quyền tự tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo nhu cầu quản lý. Trước thời điểm tạm ngừng kinh doanh tối thiểu 15 ngày, doanh nghiệp phải niêm yết công khai tại Điểm kinh doanh casino và gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Sở Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan thuế quản lý trực tiếp để theo dõi, quản lý. Nội dung thông báo phải nêu rõ thời điểm tạm ngừng kinh doanh, lý do tạm ngừng kinh doanh, thời gian dự kiến tiếp tục kinh doanh trở lại. Trong trường hợp có thay đổi về thời điểm tiếp tục kinh doanh trở lại, doanh nghiệp phải niêm yết công khai tại Điểm kinh doanh casino và gửi thông báo bằng văn bản tới các cơ quan quản lý nhà nước nêu trên.

3. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu tạm ngừng hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho người chơi biết về thời điểm tạm ngừng kinh doanh, ngay sau khi cơ quan quản lý nhà nước công bố quyết định yêu cầu tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

Điều 7. Số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi

1. Số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư

a) Đối với các dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và được quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Căn cứ để xác định số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi của dự án là tổng vốn đầu tư cam kết của dự án với tỷ lệ đầu tư 10 triệu đô la Mỹ thì được phép kinh doanh tối đa 01 bàn trò chơi và 10 máy trò chơi;

b) Đối với các dự án đã được cấp phép trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi thực hiện theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

a) Đối với các dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, trong đó có hoạt động kinh doanh casino kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi doanh nghiệp được phép kinh doanh quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino và không được vượt quá số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Căn cứ để xác định số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi doanh nghiệp được phép kinh doanh quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino là tổng vốn đầu tư giải ngân thực tế của dự án với tỷ lệ giải ngân thực tế 10 triệu đô la Mỹ thì được phép kinh doanh tối đa 01 bàn trò chơi và 10 máy trò chơi;

b) Đối với các dự án đã được cấp phép trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định này.

3. Căn cứ số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, doanh nghiệp tự quyết định số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi phù hợp với diện tích của Điểm kinh doanh casino, nhu cầu kinh doanh casino trong từng thời kỳ nhưng phải đảm bảo không vượt quá số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày đưa vào kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản đến Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan thuế quản lý trực tiếp về số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi thực tế kinh doanh để theo dõi, quản lý.

Điều 8. Điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi

1. Việc điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh casino quy mô lớn. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh casino quy mô nhỏ muốn điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi thì phải mở rộng, tăng quy mô dự án đáp ứng được các điều kiện của khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino quy mô lớn theo quy định tại Nghị định này.

2. Điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp thực hiện đầu tư mở rộng, tăng quy mô dự án và có nhu cầu điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư thì doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh Giấy

chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi điều chỉnh phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Căn cứ để xem xét, điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi của dự án bao gồm:

a) Vốn đầu tư tăng thêm của dự án với tỷ lệ đầu tư tăng thêm 10 triệu đô la Mỹ thì số lượng tối đa tăng thêm 01 bàn trò chơi và 10 máy trò chơi;

b) Kết quả hoạt động của dự án và tác động tới kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội của địa phương nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh casino;

c) Phương án kinh doanh.

3. Điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

a) Trong quá trình hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi doanh nghiệp được phép kinh doanh quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino thì doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino. Số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi điều chỉnh không được vượt quá số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Căn cứ để xem xét, điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi là tổng vốn đầu tư giải ngân thực tế tăng thêm của dự án so với mức vốn đầu tư giải ngân thực tế tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino gần nhất với tỷ lệ giải ngân thực tế tăng thêm 10 triệu đô la Mỹ thì được phép kinh doanh tối đa tăng thêm 01 bàn trò chơi và 10 máy trò chơi;

b) Chỉ điều chỉnh tăng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi đối với doanh nghiệp có tổng vốn đầu tư giải ngân thực tế tăng thêm của dự án so với mức vốn đầu tư giải ngân thực tế tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino tối thiểu 100 triệu đô la Mỹ cho một lần điều chỉnh.

Điều 9. Chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng

1. Các doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh 02 loại hình trò chơi có thưởng trên máy trò chơi và bàn trò chơi.

2. Doanh nghiệp được quyền quyết định chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng thực tế kinh doanh nhưng không được phép vượt quá số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hoặc tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này.

Điều 10. Thể lệ trò chơi

1. Tất cả các trò chơi có thưởng khi đưa vào kinh doanh, doanh nghiệp phải xây dựng Thể lệ trò chơi phù hợp với cách thức chơi, tỷ lệ trả thưởng, thiết kế riêng của từng loại máy trò chơi, bàn trò chơi. Thể lệ trò chơi phải tuân thủ quy định của pháp luật và bao gồm các nội dung:

a) Tên của trò chơi có thưởng;

b) Mô tả và giải thích từ ngữ của trò chơi có thưởng;

c) Hình ảnh và chỉ dẫn cách sử dụng các chức năng của máy trò chơi, bàn trò chơi;

d) Cách thức chơi;

đ) Tỷ lệ trả thưởng;

e) Cách xác định trúng thưởng và nguyên tắc, phương thức trả thưởng khi người chơi trúng thưởng;

g) Xử lý các vấn đề bất thường xảy ra trong quá trình chơi;

h) Cơ chế xử lý tranh chấp khi có sự không thống nhất giữa doanh nghiệp và người chơi;

i) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

2. Trước khi đưa vào kinh doanh tối thiểu 15 ngày, doanh nghiệp phải niêm yết công khai Thể lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh casino và đảm bảo lưu giữ Thể lệ trò chơi để xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định tại Nghị định này.

Điều 11. Đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh casino

1. Người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, giấy thông hành còn giá trị và nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và tự nguyện chấp hành Thể lệ trò chơi, nội quy Điểm kinh doanh casino của doanh nghiệp và các quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Thí điểm cho phép người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh casino

1. Địa điểm thực hiện thí điểm

Thí điểm cho phép người Việt Nam được vào chơi tại Điểm kinh doanh casino thực hiện tại dự án đầu tư khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino tại các địa điểm đáp ứng các quy định tại Nghị định này và được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Thời gian thực hiện thí điểm

Thời gian thực hiện thí điểm là 03 năm, kể từ ngày doanh nghiệp kinh doanh casino đầu tiên được phép thí điểm cho phép người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh casino. Sau 03 năm thí điểm, Chính phủ sẽ tổng kết, đánh giá và quyết định việc tiếp tục cho phép người Việt Nam chơi casino hoặc có thể chấm dứt không cho phép người Việt Nam chơi casino tại Việt Nam.

3. Người Việt Nam được phép vào chơi tại Điểm kinh doanh casino quy định tại khoản 1 Điều này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Phải là người đủ 21 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Có đủ năng lực về tài chính để tham gia chơi tại Điểm kinh doanh casino. Người chơi phải chứng minh được có thu nhập thường xuyên từ 10 triệu đồng/tháng trở lên hoặc thuộc diện chịu thuế từ bậc 3 trở lên theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể hồ sơ chứng minh người chơi có đủ năng lực tài chính;

c) Phải mua vé tham gia chơi tại Điểm kinh doanh casino. Mức vé là 01 triệu đồng/24 giờ liên tục/người hoặc 25 triệu đồng/tháng/người;

d) Không thuộc đối tượng bị người thân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự trong gia đình là bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con ruột hoặc bản thân có đơn đề nghị doanh nghiệp kinh doanh casino không cho phép chơi tại Điểm kinh doanh casino;

đ) Người Việt Nam được phép vào chơi tại Điểm kinh doanh casino chỉ được sử dụng tiền đồng Việt Nam để đổi đồng tiền quy ước và được đổi đồng tiền quy ước ra đồng Việt Nam trong trường hợp chơi không hết hoặc trúng thưởng.

4. Đối tượng người Việt Nam bị cấm không được vào chơi tại Điểm kinh doanh casino, bao gồm:

a) Người đã bị khởi tố hình sự mà các cơ quan tố tụng của Việt Nam hoặc nước ngoài đang tiến hành điều tra, truy tố, xét xử;

b) Người có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án từ trên 03 năm tù trở lên chưa được xóa án tích;

c) Người đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù;

d) Người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhận chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo quyết định của Tòa án;

đ) Người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; có quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian chờ thi hành quyết định; đang nghiện ma túy; đang được tạm hoãn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

e) Người đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Toàn bộ số thu từ tiền vé tham gia chơi tại Điểm kinh doanh casino quy định tại điểm c khoản 3 Điều này được để lại cho địa phương nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh casino để chi cho các mục tiêu phúc lợi xã hội, phục vụ cộng đồng, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh casino được phép thí điểm cho phép người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh casino

a) Xây dựng và ban hành quy định đảm bảo quản lý, kiểm soát chặt chẽ người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh casino;

b) Cấp thẻ điện tử cho người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh casino, thẻ điện tử phải đảm bảo các nội dung sau:

- Mã số thẻ điện tử;

- Họ và tên người chơi;

- Số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;

- Ảnh nhận diện;

- Thời gian ra, vào Điểm kinh doanh casino;

- Số tiền chơi và nhận thưởng cho mỗi lần chơi tại Điểm kinh doanh casino;

- Các thông tin khác có liên quan đến việc kiểm soát người chơi theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

c) Cung cấp quy chế, tài liệu, hồ sơ, hình ảnh cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra;

d) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm cho phép người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh casino.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của người chơi

1. Người chơi có các quyền sau:

a) Được doanh nghiệp xác nhận và trả thưởng đầy đủ khi trúng thưởng;

b) Người chơi là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, giấy thông hành còn giá trị và nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam được nhận tiền trả thưởng và chuyển hoặc mang tiền trả thưởng bằng ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối của pháp luật Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Được yêu cầu doanh nghiệp giữ bí mật về thông tin trúng thưởng và nhận thưởng, ngoại trừ trường hợp phải cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 21 Nghị định này;

d) Được quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với doanh nghiệp về kết quả trả thưởng, tố cáo các hành vi gian lận, vi phạm quy định của Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan;

đ) Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định tại Thể lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố.

2. Người chơi có các nghĩa vụ sau:

a) Phải mang theo các giấy tờ để chứng minh thuộc đối tượng được phép chơi quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này;

b) Tuân thủ Thể lệ trò chơi, nội quy, quy định quản lý nội bộ có liên quan của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Không được sử dụng kết quả của các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh casino để cá cược trực tiếp với nhau;

d) Không được gây mất an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh casino;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 14. Đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh casino

1. Các đối tượng được phép chơi quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định này.

2. Nhân viên, người lao động của doanh nghiệp được phép ra, vào Điểm kinh doanh casino để làm việc theo sự phân công của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải lập và công bố danh sách cập nhật các nhân viên, người lao động được phép ra, vào để làm việc tại Điểm kinh doanh casino.

3. Cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thực thi việc kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hoặc trong trường hợp cấp bách nhằm đảm bảo yêu cầu công tác giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

4. Các cá nhân quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này chỉ được vào Điểm kinh doanh casino để thực thi các nhiệm vụ liên quan theo phân công, nghiêm cấm vào Điểm kinh doanh casino để tham gia các trò chơi có thưởng.

5. Doanh nghiệp phải mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát tất cả các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh casino. Sổ theo dõi, thông tin điện tử phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật và đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 15. Quản lý đồng tiền quy ước

1. Đồng tiền quy ước của từng doanh nghiệp phải có dấu, ký hiệu riêng để nhận dạng và phải đáp ứng quy định tại Điều 17 Nghị định này. Mệnh giá của đồng tiền quy ước được phép ghi bằng đồng Việt Nam hoặc bằng một loại ngoại tệ chuyển đổi. Việc quy đổi mệnh giá đồng tiền quy ước bằng ngoại tệ được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Doanh nghiệp không được phép sử dụng đồng tiền quy ước của các doanh nghiệp khác để kinh doanh.

2. Doanh nghiệp phải thực hiện quản lý chặt chẽ đồng tiền quy ước theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính để làm cơ sở cho việc xác định doanh thu của doanh nghiệp và phải đăng ký về hình thức, mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước với Sở Tài chính và cơ quan thuế quản lý trực tiếp để theo dõi, quản lý.

3. Trường hợp có thay đổi về hình thức, mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi về hình thức, mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước, doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký lại với Sở Tài chính và cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

4. Người chơi là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, giấy thông hành còn giá trị và nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam được đổi đồng tiền quy ước ra đồng ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam trong trường hợp không chơi hết hoặc trúng thưởng.

Điều 16. Quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi

1. Các máy trò chơi, bàn trò chơi sử dụng trong Điểm kinh doanh casino phải phù hợp với số lượng, chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng mà doanh nghiệp được phép kinh doanh và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này.

2. Các máy trò chơi, bàn trò chơi được mua để sử dụng trong Điểm kinh doanh casino phải mới 100%, có thông số kỹ thuật do nhà sản xuất máy trò chơi, bàn trò chơi công bố và đã được tổ chức kiểm định độc lập hoạt động tại các nước G7 cấp chứng nhận kiểm định.

3. Thiết bị mô phỏng bàn trò chơi:

a) Doanh nghiệp được sử dụng thiết bị mô phỏng trò chơi có thưởng trên bàn trò chơi để phục vụ cho việc đào tạo nhân viên, thử nghiệm cách tiến hành trò chơi. Số lượng bàn trò chơi mô phỏng không được vượt quá 01 bàn mô phỏng/01 loại hình trò chơi có thưởng;

b) Thiết bị mô phỏng phải được thiết kế với mẫu mã riêng và được ghi rõ là thiết bị mô phỏng sử dụng trong công tác đào tạo và phải được đặt trong căn phòng riêng cách biệt với khu vực đặt máy trò chơi, bàn trò chơi tại Điểm kinh doanh casino;

c) Nghiêm cấm sử dụng thiết bị mô phỏng bàn trò chơi để tổ chức kinh doanh casino dưới mọi hình thức.

4. Tỷ lệ trả thưởng cố định tối thiểu đối với các máy giật xèng là 90% (đã bao gồm giải thưởng tích lũy) và được cài đặt sẵn trong máy. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi tỷ lệ trả thưởng phải đảm bảo tỷ lệ trả thưởng không thấp hơn tỷ lệ trả thưởng tối thiểu theo quy định, doanh nghiệp phải làm thủ tục kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng và phải quy định cụ thể tỷ lệ trả thưởng trong Thể lệ trò chơi.

5. Doanh nghiệp khi mua máy trò chơi, bàn trò chơi hoặc làm thủ tục kiểm định máy trò chơi, bàn trò chơi phải yêu cầu nhà sản xuất, cung cấp máy trò chơi, bàn trò chơi hoặc tổ chức kiểm định độc lập máy trò chơi, bàn trò chơi cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều này. Các tài liệu này phải được công chứng, chứng thực hoặc được hợp thức hóa lãnh sự của cơ quan có thẩm quyền. Doanh nghiệp có trách nhiệm lưu trữ các tài liệu này để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 17. Mua, tái xuất, tiêu hủy máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này được phép làm thủ tục mua máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi. Việc mua, nhập khẩu máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi thực hiện theo quy định của pháp luật về nhập khẩu, xuất khẩu, quy định của Nghị định này và hướng dẫn, thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Doanh nghiệp chỉ được mua không vượt quá số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi được cấp phép và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này, nội dung, hình ảnh được phép phổ biến, lưu hành theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này được phép làm thủ tục mua các thiết bị dự phòng của máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi để thay thế khi cần thiết. Việc mua, quản lý và sử dụng các thiết bị dự phòng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Số lượng thiết bị dự phòng không được vượt quá 10% trên tổng số thiết bị của các máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi được phép kinh doanh;

b) Thiết bị dự phòng phải là thiết bị mới 100%;

c) Việc sử dụng thiết bị dự phòng để thay thế cho thiết bị cũ, hư hỏng phải đảm bảo các nguyên tắc không làm tăng số lượng, chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng được phép kinh doanh.

4. Trong thời hạn 30 ngày, doanh nghiệp phải thực hiện việc tái xuất hoặc tiêu hủy máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

b) Máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi hết hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất hoặc bị hỏng, hư hại không thể sửa chữa hoặc khôi phục hoạt động bình thường;

c) Máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi không còn được sử dụng vào hoạt động kinh doanh do không phù hợp với nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới hoặc thay thế cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh.

5. Việc tiêu hủy máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi phải có sự chứng kiến, xác nhận bằng văn bản của đại diện Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Việc tái xuất máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Trong quá trình sử dụng nếu các máy trò chơi bị hư hỏng hoặc cần bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp được quyền tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhưng không được phép can thiệp vào tỷ lệ trả thưởng. Nếu việc bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi liên quan đến các bộ phận làm thay đổi tỷ lệ trả thưởng thì doanh nghiệp phải thuê tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này để kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng.

Điều 18. Quy chế quản lý nội bộ và kiểm soát nội bộ

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ trong Điểm kinh doanh casino. Quy chế quản lý nội bộ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Quy định về quản lý Điểm kinh doanh casino, bao gồm: Thời gian mở, đóng cửa, kiểm soát đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh casino, biện pháp giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội;

b) Quy định về tổ chức nhân sự và quản lý nhân viên làm việc tại Điểm kinh doanh casino, bao gồm: Đối tượng làm việc, quản lý tại Điểm kinh doanh casino, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của từng bộ phận, vị trí công tác;

c) Quy định về quy chế tài chính, quy trình quản lý đồng tiền quy ước;

d) Quy định về quy trình quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi, bàn trò chơi và các thiết bị trò chơi;

đ) Quy định về phương thức giải quyết mối quan hệ giữa người chơi với người chơi, giữa người chơi với doanh nghiệp và giữa người chơi với nhân viên của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ phương thức xử lý trong trường hợp phát sinh tranh chấp trên cơ sở của các quy định pháp luật liên quan;

e) Các quy định khác phù hợp với pháp luật của Việt Nam để phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp phải thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ, quy định cụ thể bằng văn bản chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận kiểm soát nội bộ và chỉ được tổ chức hoạt động kinh doanh casino khi đã hoàn thành các nội dung này để đảm bảo kiểm soát việc tuân thủ đúng Quy chế quản lý nội bộ, quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan tại doanh nghiệp.

3. Trước khi đưa vào kinh doanh tối thiểu 15 ngày, doanh nghiệp phải gửi bản Quy chế quản lý nội bộ cho cơ quan đăng ký đầu tư và Bộ Tài chính để theo dõi, quản lý. Doanh nghiệp phải đảm bảo lưu giữ Quy chế quản lý nội bộ để xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định tại Nghị định này.

Điều 19. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn.

2. Doanh nghiệp phải kịp thời sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền phù hợp với sự thay đổi của pháp luật, thay đổi về cơ cấu tổ chức, quy mô và mức độ rủi ro rửa tiền. Doanh nghiệp phải phổ biến quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cho các bộ phận, cán bộ, nhân viên có trách nhiệm thực hiện quy định về phòng, chống rửa tiền.

Điều 20. Quản lý về việc thanh toán và ngoại hối

1. Doanh nghiệp được chấp nhận sử dụng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tiền mặt, thẻ ngân hàng của người chơi để đổi đồng tiền quy ước khi tham gia các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh casino. Việc thu, chi ngoại tệ của doanh nghiệp được thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

2. Doanh nghiệp được thu ngoại tệ tiền mặt từ hoạt động kinh doanh casino và sử dụng số ngoại tệ tiền mặt này để trả thưởng cho người chơi là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, giấy thông hành còn giá trị và nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam khi trúng thưởng và các hoạt động ngoại hối khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp kinh doanh casino có quyền:

a) Tổ chức kinh doanh số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi và chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này và quy định tại Nghị định này;

b) Từ chối bất kỳ cá nhân nào không thuộc đối tượng được phép ra, vào chơi tại Điểm kinh doanh casino;

c) Yêu cầu rời khỏi Điểm kinh doanh casino bất kỳ đối tượng nào vi phạm Thể lệ trò chơi, nội quy, Quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp;

d) Yêu cầu người chơi xuất trình giấy tờ tùy thân để chứng minh thuộc đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh casino;

đ) Ký hợp đồng thuê quản lý. Việc thuê quản lý và trả phí thuê quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp kinh doanh casino có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh casino;

b) Bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh casino theo đúng danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino. Trường hợp có thay đổi về người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh casino, doanh nghiệp phải đảm bảo người thay thế đáp ứng các điều kiện về người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh casino theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 Nghị định này và có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, cơ quan đăng ký đầu tư;

c) Tổ chức các loại hình trò chơi có thưởng theo đúng Thể lệ trò chơi đã công bố;

d) Thanh toán đầy đủ, kịp thời các giải thưởng cho người chơi. Thực hiện xác nhận tiền trúng thưởng đúng số thực tế nếu người chơi yêu cầu;

đ) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại của người chơi theo đúng Thể lệ trò chơi và quy định của pháp luật;

e) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh;

g) Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền theo quy định pháp luật;

h) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong quá trình hoạt động kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

i) Giữ bí mật về thông tin trúng thưởng theo yêu cầu của người chơi, ngoại trừ việc cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và điều tra theo quy định của pháp luật;

k) Xây dựng các bộ phận hỗ trợ tư vấn, tuyên truyền, giáo dục nhận thức, kiểm soát hành vi tham gia của người chơi;

l) Xây dựng và áp dụng quy chế về chơi casino có trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

m) Xây dựng hệ thống thông tin, chế độ báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

n) Chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật Việt Nam về mọi hoạt động kinh doanh casino, kể cả khi thuê quản lý.

Điều 22. Xử lý tranh chấp trong Điểm kinh doanh casino

1. Doanh nghiệp phải xây dựng Quy chế giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật để xử lý tranh chấp giữa người chơi và doanh nghiệp kinh doanh casino phát sinh trong quá trình tham gia các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh casino. Quy chế giải quyết tranh chấp phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Các trường hợp tranh chấp xử lý theo Quy chế giải quyết tranh chấp;

b) Trách nhiệm của người chơi, doanh nghiệp về việc báo cáo, phản ánh các trường hợp được cho là trò chơi có thưởng không diễn ra theo đúng Thể lệ trò chơi và đề nghị doanh nghiệp giải quyết;

c) Các điều kiện về hiện trạng để các khiếu nại được xem xét, xử lý;

d) Quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp giữa người chơi và doanh nghiệp bao gồm: Hồ sơ khiếu nại, bộ phận tiếp nhận khiếu nại, thời gian xử lý tranh chấp của doanh nghiệp và thẩm quyền quyết định giải quyết tranh chấp;

đ) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người chơi và doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp phải công bố công khai Quy chế giải quyết tranh chấp thông qua hình thức niêm yết công khai tại Điểm kinh doanh casino; trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (nếu có); hoặc phát tờ rơi cho người tham gia các trò chơi có thưởng.

3. Trường hợp doanh nghiệp và người chơi không thực hiện hòa giải, không đồng ý kết quả giải quyết tranh chấp, người chơi hoặc doanh nghiệp được quyền làm thủ tục ra tòa án để giải quyết hoặc lựa chọn tố tụng trọng tài theo quy định của pháp luật.

Chương III
ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH CASINO

Điều 23. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino

1. Chỉ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương cho phép triển khai dự án có casino;

b) Hoạt động kinh doanh casino chỉ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp với các hạng mục đầu tư tối thiểu như: Khách sạn, khu dịch vụ, du lịch, thương mại, vui chơi giải trí, trung tâm tổ chức hội nghị;

c) Vốn đầu tư tối thiểu của dự án là 02 tỷ đô la Mỹ;

d) Có phương án và biện pháp mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện của Việt Nam nhằm kiểm soát, hạn chế các tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh casino.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Trường hợp nhà đầu tư thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, điều kiện để được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, bao gồm:

a) Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, trong đó có hoạt động kinh doanh casino;

b) Doanh nghiệp đã hoàn thành việc giải ngân vốn đầu tư tối thiểu là 50% tổng vốn đầu tư của dự án đã đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

c) Có khu vực để bố trí Điểm kinh doanh casino đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

d) Có người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh casino có trình độ đào tạo tối thiểu từ đại học trở lên, có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm trong việc quản lý hoạt động kinh doanh casino và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

đ) Có phương án hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 6 Điều 25 Nghị định này.

2. Mỗi dự án đầu tư khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino chỉ được xem xét cấp 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino chỉ cấp cho doanh nghiệp đứng tên đăng ký thực hiện dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

3. Trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh casino, doanh nghiệp phải đảm bảo đáp ứng được các điều kiện về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino gồm các tài liệu sau:

1. Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

2. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, trong đó có hoạt động kinh doanh casino và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh (nếu có) được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu.

3. Hồ sơ, tài liệu chứng minh doanh nghiệp đã hoàn thành việc giải ngân vốn đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

4. Sơ đồ vị trí bố trí Điểm kinh doanh casino.

5. Dự thảo Quy chế quản lý nội bộ, tổ chức Bộ phận kiểm soát nội bộ, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, Quy chế giải quyết tranh chấp và Thể lệ trò chơi.

6. Phương án hoạt động kinh doanh casino bao gồm các nội dung: Thông tin về doanh nghiệp, thông tin về tình hình thực hiện dự án đầu tư, thời hạn đề nghị được phép kinh doanh casino, dự kiến về số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi, loại hình trò chơi có thưởng kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh, dự kiến nhu cầu thu, chi ngoại tệ, giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội đối với Điểm kinh doanh casino và kế hoạch triển khai thực hiện.

7. Danh sách, phiếu lý lịch tư pháp, bản sao các văn bằng có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh casino hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu.

Điều 26. Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi 06 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do từ chối.

3. Trình tự thủ tục thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp xin phép tổ chức hoạt động kinh doanh casino;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về những nội dung được lấy ý kiến;

c) Sau khi nhận được ý kiến tham gia của các bộ, ngành liên quan quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến và xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

4. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

Điều 27. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino phải bao gồm những nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

b) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

c) Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp;

d) Số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi tối đa doanh nghiệp được phép kinh doanh;

đ) Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh casino trong khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino;

e) Thời hạn hiệu lực;

g) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino quy định cụ thể thời hạn hiệu lực được phép kinh doanh casino trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư và tối đa không quá 20 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư có hiệu lực, ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 62 Nghị định này.

Điều 28. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino của doanh nghiệp bị mất, thất lạc, bị hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, doanh nghiệp phải làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino gồm các tài liệu sau:

a) Đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, trong đó có hoạt động kinh doanh casino và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh (nếu có) được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino của doanh nghiệp đã bị mất, thất lạc, bị hư hỏng (nếu có).

3. Quy trình, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ lần cấp lại. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino cấp lại là số đã được cấp trước đây.

4. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino được cấp lại là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất.

Điều 29. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh bất kỳ nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này, doanh nghiệp phải làm thủ tục xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino. Riêng đối với việc điều chỉnh số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi tối đa doanh nghiệp được phép kinh doanh, doanh nghiệp phải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino gồm các tài liệu sau:

a) Đơn xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, trong đó có hoạt động kinh doanh casino và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh (nếu có) được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino của doanh nghiệp;

d) Hồ sơ, tài liệu chứng minh nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino phù hợp với quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quy trình, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino điều chỉnh cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ lần điều chỉnh.

4. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino điều chỉnh là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất.

Điều 30. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Chỉ xem xét gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino đối với doanh nghiệp kinh doanh casino quy mô lớn theo quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị định này.

2. Các doanh nghiệp kinh doanh casino quy mô lớn có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hết thời hạn hiệu lực theo quy định tại Nghị định này, nếu có nhu cầu tiếp tục kinh doanh casino thì tối thiểu 06 tháng trước khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hết thời hạn hiệu lực phải tiến hành xin gia hạn.

3. Điều kiện gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino còn hiệu lực tối thiểu 06 tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

b) Đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 24 Nghị định này;

c) Đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh casino theo kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với đợt kiểm tra định kỳ gần nhất trước thời điểm xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino bao gồm:

a) Đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino còn hiệu lực tối thiểu 06 tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

c) Các hồ sơ quy định tại khoản 2, 4, 5 và 7 Điều 25 Nghị định này;

d) Bản sao có chứng thực biên bản kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với đợt kiểm tra định kỳ gần nhất trước thời điểm xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Nghị định này.

5. Quy trình, thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 26 Nghị định này.

6. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

7. Thời gian gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư và tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino được gia hạn có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino mà không triển khai hoạt động kinh doanh;

b) Giải thể, phá sản doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

d) Không đáp ứng đầy đủ các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 60 Nghị định này;

đ) Vi phạm tất cả các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh casino theo kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 60 Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino tự động bị hết hiệu lực và bị thu hồi đối với trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino đối với trường hợp quy định tại các điểm a, d và đ khoản 1 Điều này. Quyết định này sẽ thông báo cho doanh nghiệp trước 10 ngày, kể từ ngày thực hiện thu hồi.

4. Doanh nghiệp phải chấm dứt ngay các hoạt động kinh doanh casino tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

5. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino của doanh nghiệp được Bộ Tài chính công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Chương IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC

Điều 32. Thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

1. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, doanh nghiệp có nhu cầu thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác quy định tại Nghị định này gửi 02 bộ hồ sơ bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh casino. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (sau đây gọi tắt là Giấy phép);

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

d) Quy chế quản lý, kiểm soát nội bộ đối với nguồn thu, chi ngoại tệ do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của bộ hồ sơ và gửi 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo ý kiến đánh giá bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố về thành phần hồ sơ.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và cấp Giấy phép. Trong trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối gửi doanh nghiệp.

4. Thời hạn của Giấy phép phù hợp với thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino và tối đa không quá 20 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino có hiệu lực thi hành.

Điều 33. Thủ tục cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép

1. Cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, thất lạc, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, doanh nghiệp phải gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh casino. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép đã được cấp còn hiệu lực (nếu có);

- Văn bản, giấy tờ chứng minh về việc Giấy phép đã bị mất, thất lạc, bị hư hỏng (nếu có).

b) Thủ tục gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 32 Nghị định này;

c) Thủ tục cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

d) Thời hạn của Giấy phép được cấp lại là thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp tại thời điểm gần nhất.

2. Điều chỉnh Giấy phép

a) Doanh nghiệp được điều chỉnh Giấy phép trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi tên doanh nghiệp;

- Thay đổi ngân hàng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ;

- Thay đổi mức tồn quỹ ngoại tệ tiền mặt.

b) Doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh nội dung Giấy phép gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh casino. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép đã được cấp còn hiệu lực;

- Văn bản, giấy tờ chứng minh nội dung điều chỉnh phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (nếu có).

c) Thủ tục gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 32 Nghị định này;

d) Thủ tục cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

đ) Thời hạn của Giấy phép được điều chỉnh là thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp tại thời điểm gần nhất;

e) Trường hợp thay đổi ngân hàng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi được điều chỉnh Giấy phép, doanh nghiệp phải mở tài khoản chuyên dùng mới và chuyển số dư ngoại tệ còn lại từ tài khoản chuyên dùng cũ sang tài khoản chuyên dùng mới hoặc tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ, đồng thời làm thủ tục đóng tài khoản chuyên dùng cũ và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi được điều chỉnh Giấy phép, doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đã được cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Gia hạn Giấy phép

a) Khi hết thời hạn Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, doanh nghiệp phải gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh casino. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép còn hiệu lực tối thiểu là 01 tháng trước khi làm đơn xin gia hạn;

- Các giấy tờ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 32 Nghị định này;

b) Thủ tục gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 32 Nghị định này;

c) Thủ tục gia hạn Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

d) Thời hạn của Giấy phép được gia hạn phù hợp với thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được gia hạn Giấy phép, doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đã được cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 34. Thu hồi Giấy phép

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu hồi Giấy phép của doanh nghiệp trong những trường hợp sau đây:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép.

2. Doanh nghiệp không triển khai hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép.

3. Doanh nghiệp bị chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

5. Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính từ 03 lần trở lên đối với hành vi vi phạm hành chính về quản lý ngoại hối.

Điều 35. Chuyển đổi Giấy phép

1. Thời hạn chuyển tiếp

Đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này trước đây đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép thực hiện thu, chi ngoại tệ tiền mặt đối với hoạt động kinh doanh casino được tiếp tục thực hiện theo văn bản chấp thuận. Trường hợp có nhu cầu, doanh nghiệp làm thủ tục để chuyển đổi văn bản chấp thuận trước đây sang Giấy phép.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển đổi

a) Doanh nghiệp nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh casino. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị chuyển đổi Giấy phép;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino (nếu có);

- Quy chế quản lý, kiểm soát nội bộ đối với nguồn thu, chi ngoại tệ do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

- Văn bản chấp thuận hoạt động thu, chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác đã được cấp;

- Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động kinh doanh casino kể từ khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận.

b) Thủ tục gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 32 Nghị định này;

c) Thủ tục cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định này.

Chương V
THÔNG TIN, QUẢNG CÁO VÀ KHUYẾN MẠI

Điều 36. Cung cấp thông tin

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào Điểm kinh doanh casino và công bố công khai đầy đủ Thể lệ trò chơi và Quy chế giải quyết tranh chấp tại Điểm kinh doanh casino.

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh casino cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và điều tra theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố và cung cấp.

Điều 37. Quảng cáo

1. Chỉ những doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này mới được phép quảng cáo các hoạt động liên quan đến kinh doanh casino.

2. Quảng cáo các hoạt động liên quan đến kinh doanh casino phải tuân thủ các quy định của pháp luật quảng cáo. Nội dung quảng cáo bao gồm:

a) Tên, địa chỉ doanh nghiệp;

b) Tên trò chơi có thưởng;

c) Đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh casino theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định này.

3. Doanh nghiệp kinh doanh casino chỉ được phép quảng cáo bằng bảng, biển hiệu bên trong Điểm kinh doanh casino, các quảng cáo casino chỉ có thể nhìn thấy khi vào bên trong Điểm kinh doanh casino, phải đảm bảo người ở bên ngoài Điểm kinh doanh casino không đọc được, không nghe được, không thấy được. Ngoài những hình thức được phép quảng cáo quy định tại khoản này, doanh nghiệp không được quảng cáo kinh doanh casino dưới mọi hình thức.

4. Doanh nghiệp kinh doanh casino đáp ứng quy định tại Điều 12 Nghị định này, ngoài các hình thức quảng cáo quy định tại khoản 3 Điều này trong thời gian được phép kinh doanh thí điểm cho phép người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh casino được quảng cáo trong chương trình giải trí được chiếu bằng các thiết bị điện tử trên các chuyến bay quốc tế; quảng cáo tại các khu cách ly sân bay quốc tế và cảng biển quốc tế.

Điều 38. Giảm giá, khuyến mại

Doanh nghiệp được thực hiện chính sách giảm giá, khuyến mại theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 39. Chế độ tài chính

1. Năm tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi đối với nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi và các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp từ hoạt động kinh doanh casino. Các khoản ưu đãi về thuế, phí, lệ phí đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh casino.

Điều 40. Quản lý doanh thu, quản lý thuế

1. Doanh nghiệp kinh doanh casino phải bố trí một địa điểm trong Điểm kinh doanh casino với các phương tiện, trang thiết bị cần thiết để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát trực tiếp hoặc qua các thiết bị điện tử và hệ thống camera.

2. Cán bộ thuộc các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giám sát trực tiếp hoặc giám sát qua các thiết bị điện tử và hệ thống camera đối với các giao dịch tại Điểm kinh doanh casino liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước; đồng thời các giao dịch này đều phải được ghi lại và báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Việc kiểm kê, tính toán giao dịch tại khu vực thu ngân, khu vực kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước phải được lập thành biên bản và phải có sự giám sát trực tiếp hoặc qua các thiết bị điện tử và hệ thống camera của cán bộ cơ quan quản lý nhà nước.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể cơ chế quản lý, giám sát việc thu thuế, mẫu đơn, mẫu tờ khai phù hợp với quy định pháp luật về thuế và tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh casino.

Điều 41. Chế độ kế toán và báo cáo

1. Chế độ kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán riêng các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh casino. Trường hợp các khoản doanh thu, chi phí có liên quan với các hoạt động kinh doanh khác, doanh nghiệp thực hiện việc phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Chế độ báo cáo nghiệp vụ của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 42. Kiểm toán, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải được kiểm toán hàng năm.

2. Sau khi kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương VII
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 43. Quy định chung về xử lý vi phạm

1. Chương VII của Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh trong lĩnh vực kinh doanh casino.

2. Những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh casino thì áp dụng theo quy định tại các văn bản đó để xử phạt.

Điều 44. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Các hình thức xử phạt chính gồm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh casino tối đa là 100.000.000 đồng, đối với tổ chức tối đa là 200.000.000 đồng;

Mức xử phạt bằng tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức xử phạt đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 Nghị định này chỉ áp dụng riêng đối với cá nhân.

Mức xử phạt đối với cá nhân bằng 1/2 lần mức xử phạt đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

2. Hình thức xử phạt bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh casino bao gồm:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có thưởng, đồng tiền quy ước;

c) Buộc tiêu hủy tài liệu đã bị sửa chữa, tẩy xóa, gian dối hoặc giả mạo;

d) Buộc cải chính thông tin, số liệu đã báo cáo sai sự thật, không đầy đủ hoặc gây nhầm lẫn;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính mà có.

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi gian dối hoặc giả mạo các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy tài liệu đã bị sửa chữa, tẩy xóa, gian dối hoặc giả mạo đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 46. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xoá, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

2. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.0000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh casino khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino ngoại trừ các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 47. Hành vi vi phạm quy định về việc bố trí Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi bố trí Điểm kinh doanh casino không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh casino không đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục việc bố trí Điểm kinh doanh casino đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và theo đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino.

Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi và chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh vượt quá số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu huỷ hoặc tái xuất các máy trò chơi, bàn trò chơi vượt quá số lượng, không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng theo quy định của pháp luật;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 49. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng và công bố Thể lệ trò chơi

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không công bố công khai Thể lệ trò chơi theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đến 180.000.000 đối với hành vi không xây dựng Thể lệ trò chơi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 50. Hành vi vi phạm quy định về theo dõi, quản lý đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh casino

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát các đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh casino.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cho phép đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh casino không đúng quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 51. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không tuân thủ Thể lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố;

b) Không tuân thủ nội quy Điểm kinh doanh casino do doanh nghiệp công bố;

c) Không tuân thủ các quy định quản lý nội bộ do doanh nghiệp công bố.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi gây mất an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh casino.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gian lận trong quá trình tham gia các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh casino.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 52. Hành vi vi phạm quy định về quản lý đồng tiền quy ước

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đồng tiền quy ước không đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký đồng tiền quy ước với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đồng tiền quy ước của doanh nghiệp khác hoặc không đúng với đồng tiền quy ước đã đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước.

4. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng tiền đồng Việt Nam để đổi đồng tiền quy ước và đổi đồng tiền quy ước ra đồng Việt Nam trong trường hợp chơi không hết hoặc trúng thưởng đối với người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh casino.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ đồng tiền quy ước đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.

Điều 53. Hành vi vi phạm quy định về quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không mở sổ quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu thiết bị dự phòng, quản lý thiết bị dự phòng không đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh máy trò chơi, bàn trò chơi không đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 16 Nghị định này;

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi vi phạm đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 54. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh casino không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 55. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng và xác nhận tiền trúng thưởng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cố tình kéo dài thời gian trả thưởng cho người chơi mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc trả thưởng cho người chơi theo đúng yêu cầu của người chơi và quy định tại Thể lệ trò chơi;

b) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 56. Hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đến 50.000.000 đối với hành vi công bố, cung cấp thông tin không đầy đủ, chính xác.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đính chính thông tin đã công bố, cung cấp không đầy đủ, không chính xác.

Điều 57. Hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại, chế độ quản lý tài chính

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đối với hành vi không tuân thủ các quy định về chế độ quản lý tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đối với hành vi vi phạm các quy định về giảm giá, khuyến mại tại Nghị định này.

3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Điều này.

Điều 58. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Thanh tra viên tài chính các cấp đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo.

2. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định này.

4. Chánh thanh tra Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino có thời hạn theo quy định tại Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định này.

5. Thẩm quyền đối với mức phạt tiền quy định tại Điều này áp dụng đối với tổ chức, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 lần tổ chức.

6. Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan công an theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực này hoặc địa bàn quản lý của mình thì áp dụng quy định trong Nghị định này để xử phạt.

7. Khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đang thi hành công vụ quy định tại Điều này phải kịp thời xử lý vi phạm hành chính theo đúng quy định tại Nghị định này và pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính.

Chương VIII
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, KIỂM TRA, THANH TRA

Điều 59. Quản lý nhà nước về kinh doanh casino

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kinh doanh casino và ban hành chính sách điều chỉnh hoạt động kinh doanh casino theo thẩm quyền.

2. Thủ tướng Chính phủ

a) Phê duyệt chủ trương, chính sách, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và biện pháp cần thiết theo thẩm quyền để quản lý hoạt động kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Chấp thuận số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi và điều chỉnh số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi tối đa đối với dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định này;

c) Quyết định các nội dung khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh casino theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh casino, bao gồm:

a) Nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách về kinh doanh casino và ban hành, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về kinh doanh casino;

b) Có ý kiến với cơ quan đăng ký đầu tư về số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi tối đa đối với dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino theo quy định tại Điều 7 Nghị định này;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiến hành tổng kết, đánh giá việc thí điểm cho phép người Việt Nam vào chơi tại các Điểm kinh doanh casino theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;

d) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

đ) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định tại Nghị định này;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh casino;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Bộ Công an

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và an toàn xã hội đối với hoạt động kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

b) Ban hành hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong hoạt động kinh doanh casino;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để đấu tranh phòng, chống tội phạm có liên quan đến rửa tiền trong hoạt động kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống hoạt động đánh bạc trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

e) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh casino;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn quản lý, thẩm định nội dung, hình ảnh các máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và thiết bị trò chơi đảm bảo phù hợp với thuần phong, mỹ tục, thẩm mỹ của người Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh casino;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, doanh nghiệp viễn thông chủ động ngăn chặn và không được cung cấp dịch vụ trò chơi có thưởng qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet;

b) Phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan ngăn chặn việc cung cấp dịch vụ trò chơi có thưởng qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet từ nước ngoài vào Việt Nam;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, chuyển đổi và thu hồi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

b) Thực hiện quản lý hoạt động thu, sử dụng ngoại tệ của doanh nghiệp kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong hoạt động kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh casino;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

9. Bộ Công Thương

Thực hiện quản lý hoạt động khuyến mại của doanh nghiệp kinh doanh casino theo quy định của pháp luật.

10. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện quản lý về lao động làm việc tại doanh nghiệp kinh doanh casino theo quy định của pháp luật.

11. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm quản lý, giám sát, kiểm tra để đảm bảo việc hoạt động kinh doanh casino trên địa bàn tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của Nghị định này và theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan thuộc địa bàn quản lý triển khai công tác quản lý, giám sát, kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh casino trên địa bàn đảm bảo được thực hiện thường xuyên, liên tục;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Kiểm tra, thanh tra

1. Công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo phương thức định kỳ hoặc đột xuất. Việc kiểm tra, thanh tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra định kỳ hàng năm đối với việc tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định về điều kiện kinh doanh casino trong quá trình hoạt động kinh doanh casino của doanh nghiệp. Kiểm tra định kỳ không quá 01 lần trong năm đối với một doanh nghiệp.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh casino kiểm tra định kỳ 02 năm một lần để xem xét khả năng tiếp tục duy trì hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino của doanh nghiệp hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 24 Nghị định này;

Riêng đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định này, kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện kinh doanh casino được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh casino theo quy định tại Nghị định này, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Về quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi;

- Về quản lý đối tượng được phép chơi, đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh casino;

- Việc chấp hành quy chế quản lý nội bộ, kiểm soát nội bộ, quy chế tài chính và Thể lệ trò chơi;

- Việc quản lý ngoại hối và chấp hành quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

- Việc chấp hành quy định pháp luật về tài chính, kế toán, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

4. Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan công an từ cấp tỉnh trở lên quyết định kiểm tra đột xuất khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm quy định về đối tượng được phép chơi, về đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội hoặc khi có tin báo, tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp.

5. Việc kiểm tra, thanh tra về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 61. Quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra Điểm kinh doanh casino, các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này được quyền:

1. Tiếp cận tất cả các căn phòng trong Điểm kinh doanh casino.

2. Yêu cầu doanh nghiệp, các cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, số liệu, thông tin để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra.

3. Đề nghị doanh nghiệp tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh casino trong Điểm kinh doanh casino trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có đủ cơ sở cho rằng doanh nghiệp đang vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino biết để cùng xem xét, phối hợp kiểm tra, thanh tra xử lý theo quy định.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong đó có hoạt động kinh doanh casino trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và đã tổ chức hoạt động kinh doanh casino được tiếp tục hoạt động kinh doanh casino theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp. Trường hợp có nhu cầu, doanh nghiệp làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, bao gồm:

- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, trong đó có hoạt động kinh doanh casino và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

- Các hồ sơ quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 25 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính rà soát hồ sơ và quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino cho doanh nghiệp, trong đó:

- Số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi tối đa doanh nghiệp được phép kinh doanh bằng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không quy định số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi thì số lượng tối đa doanh nghiệp được phép kinh doanh được xác định bằng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc số lượng doanh nghiệp đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước thời điểm Nghị định này có hiệu thi hành;

- Địa điểm kinh doanh casino của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Thời hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino tối đa bằng thời hạn hoạt động kinh doanh casino còn lại của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Đối với doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong đó có hoạt động kinh doanh casino trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa tổ chức hoạt động kinh doanh casino, trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh casino, doanh nghiệp phải làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino theo quy định sau:

a) Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, bao gồm:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, trong đó có hoạt động kinh doanh casino;

- Đáp ứng đủ các điều kiện được phép kinh doanh casino quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không quy định điều kiện được phép kinh doanh casino thì doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, bao gồm:

- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, trong đó có hoạt động kinh doanh casino và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện được phép kinh doanh casino quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có). Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không quy định điều kiện được phép kinh doanh casino, doanh nghiệp nộp hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định này.

- Các hồ sơ quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 25 Nghị định này.

c) Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 26 Nghị định này.

d) Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại điểm a khoản này, trong đó:

- Số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi tối đa doanh nghiệp được phép kinh doanh bằng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không quy định số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi thì số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi tối đa doanh nghiệp được phép kinh doanh được xác định bằng số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước thời điểm Nghị định này có hiệu thi hành;

- Địa điểm kinh doanh casino của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Thời hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino tối đa bằng thời hạn hoạt động kinh doanh casino còn lại của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 63. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các nội dung được giao quy định chi tiết tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).B 205

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc